

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4- LÀO CAI  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 02/7/2026  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Hải

Bà Nguyễn Quỳnh Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hà Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2026;

Nguyên đơn: Chị Đặng Mùi L, sinh năm 1995.

Số định danh cá nhân: xx.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Ngọc H, sinh năm 1993.

Số định danh cá nhân: xxx.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đặng Mùi L trình bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm

2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Triệu Ngọc H nghiện ma túy, chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không cải thiện, từ đó trở đi anh H không chịu làm ăn lo lắng cho vợ con nên dẫn đến cãi nhau, mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, từ tháng 01/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Ngọc H. Về con chung: Anh chị có 02 con chung Triệu Đức Q, sinh ngày 20/10/2014; Triệu Tuyết L, sinh ngày 26/11/2020, hiện các con đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn nguyện vọng của cháu Triệu Đức Q đủ 07 tuổi thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Đặng Mùi L.

Tại biên bản xác minh với Trưởng Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai cho biết: Chị Đặng Mùi L và anh Triệu Ngọc H kết hôn và đăng ký năm 2016, sau đó chung sống tại Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H nghiện ma túy không chịu khó làm ăn. Anh chị có 02 con chung là Triệu Đức Q, sinh năm 2014 và Triệu Tuyết L, sinh năm 2020. Hiện nay chị L và anh H sống ly thân, chị L đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã Chiềng Ken, tỉnh Lào Cai.

Tại biên bản xác minh với Công an xã G, tỉnh Lào Cai có thông tin: Triệu Ngọc H đang trong diện quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, hiện tại anh H đang sinh sống và có mặt tại địa phương, tuy nhiên thường lánh mặt cơ quan chức năng khi có yêu cầu làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Mùi L: Xử cho chị L được ly hôn với anh H; Về con chung: Giao cho chị Đặng Mùi L được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Triệu Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã G, tỉnh Lào Cai. Do đó, vụ án do Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Triệu Ngọc H vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Đặng Mùi L vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Đặng Mùi L và anh Triệu Ngọc H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Mùi L và anh Triệu Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị L trình bày vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H sử dụng ma túy, chị L đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không cải thiện, anh H không chịu làm ăn lo lắng cho vợ con nên dẫn đến cãi nhau, mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, từ tháng 01/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Kết quả xác minh với chính quyền địa phương thể hiện, anh H chị L có mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do anh H sử dụng ma túy, Anh H đang bị Công an xã G lập danh sách và quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, thời gian từ tháng 01/2025 đến nay anh chị sống ly thân Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân của anh H, chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn tình nghĩa với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Triệu Đức Q, sinh ngày 20/10/2014; Triệu Tuyết L, sinh ngày 26/11/2020. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung; con chung Triệu Đức Q đủ 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, khi anh H và chị L phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị L đã đem theo các con về nhà bố mẹ đẻ chị L để sinh sống, hiện nay các con chung đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng, chị L có công việc có thu nhập khoảng 150.000 đồng/ ngày. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và con chưa thành niên,

nên giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Mùi L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Mùi L được ly hôn anh Triệu Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Mùi L được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Triệu Đức Q, sinh ngày 20/10/2014; Triệu Tuyết L, sinh ngày 26/11/2020. Anh Triệu Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Mùi L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0001081 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Đặng Mùi L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Mùi L và anh Triệu Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cường chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4- Lào Cai;
- UBND xã P, tỉnh Lào Cai  
(xã Ph, huyện V,  
tỉnh Yên Bái cũ);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lưu Hoa Quỳnh**